TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHONG** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **23**/2018/HSST

Ngày 10/4/2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Tấn Thành, Giám đốc kho bạc nhà nước huyện Tuy Phong

2. Bà Nguyễn Thị Bích Lam, Giáo viên hưu trí

Thư ký phiên tòa: Ông Thanh Lê Anh Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thìn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2018/HSST, ngày 15/3/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/HSST–QĐ ngày 26/3/2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phạm A** (tên gọi khác: Thắng), sinh năm 1992; Nơi sinh: W, Bình Thuận; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thôn V1, xã V, huyện W, tỉnh Bình Thuận; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: không; Tiền án, tiền sự: Không; Cha: không rõ, mẹ: Phạm Thị Bi; Anh, chị em ruột: không có; Vợ, con: chưa có. Bị cáo bị bắt từ ngày 02/12/2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ công an huyện Tuy Phong; có mặt.

2. Họ và tên: **Trần Bình C** (tên gọi khác: Nhí), sinh năm 1987; Nơi sinh: W, Bình Thuận; Nơi đăng ký HKTTvà chỗ ở: khu phố U1, thị trấn U, huyện W, tỉnh Bình Thuận; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: không; Tiền án, tiền sự: Không; Cha: Trần

Ngọc D (đã chết) và mẹ: Nguyễn Thị E; Anh, chị em ruột: có 01 người sinh năm 1990; Vợ: Nguyễn Thị Sinh F (đã ly hôn), con: Trần Nguyễn Trọng F1, sinh năm 2010. Bị cáo bị bắt từ ngày 02/12/2017 đến ngày 29/01/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn, hiện đang tại ngoại ở khu phố U1, thị trấn U, huyện W; có mặt.

3. Họ và tên: **Nguyễn Văn G**, sinh năm 1987; Nơi sinh: W, Bình Thuận; Nơi đăng ký HKTTvà chỗ ở: khu phố U2, thị trấn U, huyện W, tỉnh Bình Thuận; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: không; Cha: Nguyễn G1 (đã chết) và mẹ: Đỗ Thị G2; Anh, chị em ruột: có 02 người, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1985; Vợ, con: chưa có. Tiền án, tiền sự: không.

Hoạt động nhân thân:

- Ngày 20/7/2011 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết áp dụng biện pháp đưa vào trung tâm Chữa bệnh, giáo dục, lao động và xã hội tỉnh Bình Thuận với thời hạn 18 tháng về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy, chấp hành xong ngày 28/12/2010.

- Ngày 23/02/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xử phạt 02 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/08/2013.

- Ngày 09/3/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xử phạt 12 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Bị cáo hiện đang bị tạm giam trong vụ án khác tại Nhà tạm giữ công an huyện Tuy Phong; có mặt.

Người bị hại:

1. Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1962; Trú tại: thôn Hà Thủy 01, xã Chí Công, huyện W, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt

2. Đoàn Ngọc H1, sinh năm 1985; Trú tại: xóm 05b, xã V, huyện W, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 25/11/2017 Phạm A đi đến bến đò thuộc thôn V1 – xã V xem có ai sơ hở thì trộm cắp tài sản đem bán lấy tiền tiêu xài. Tại đây A phát hiện 01 xe mô tô biển số 86B2-020.86 hiệu YAMAHA SIRIUS màu đỏ đen của Nguyễn Thành I dựng ở khu vực sửa chữa ghe thuyền nhưng không có người trông coi, A đi đến chỗ dựng xe mô tô biển số 86B2-020.86 lấy chìa khóa mang theo trước đó đút vào ổ khóa xe vặn qua vặn lại thì mở được khóa xe. A nổ máy xe điều khiển xe mô tô biển số 86B2-020.86 chạy đến đầu cầu V thuộc khu phố U4- thị trấn U thì gặp và gạ bán xe mô tô biển số 86B2-020.86 Trần Bình C, C hỏi *"xe này ở đâu"*, A trả lời *"xe em lấy được ở Hòa Đa"*. C biết là xe mô tô biển số 86B2-020.86 do A trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua và trả giá 1.700.00 đồng, A đồng ý bán xe cho C. Sau đó, C nói A chạy xe đến gần nhà trọ không rõ tên thuộc thôn T1, xã T chờ. Sau đó C đi đến dắt xe đi vào trong nhà trọ bán lại xe mô tô biển số 86B2-020.86 cho Trần Phong J, J không biết xe do trộm cắp mà có nên đồng ý mua với

giá 3.200.000 đồng, C đưa cho A 1.700.000 đồng còn C giữ 1.500.000 đồng tiêu xài. Sau đó, J giao xe mô tô biển số 86B2-020.86 cho Nguyễn Thanh J1 (là người làm thuê cho J) sử dụng do trước đó J1 có nhờ J mua dùm xe để có phương tiện đi lại, J1 trả lại số tiền cho J đã mua xe là 3.200.000 đồng. J1 tháo biển số 86B2-020.86 và tem xe vứt bỏ rồi chạy xe về nhà ở khu phố U3, thị trấn U để sử dụng, đến ngày 28/11/2017 Nguyễn Thành I phát hiện xe mô tô biển số 86B2-020.86 và xin chuộc lại chiếc xe thì J1 đồng ý cho I chuộc lại. Sau đó I đưa xe đến Công an thị trấn Phan Rí Cửa trình báo để làm rõ sự việc.

Theo Biên bản định giá tài sản và Bản kết luận định giá tài sản số 150/KL-HĐĐG ngày 01/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tuy Phong, kết luận:

+ 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đỏ - đen, biển số 86B2-020.86, số khung C64BY444967, số máy 5C64-444791, trị giá: 20.000.000 đồng/chiếc x 65% = 13.000.000 đồng.

Đến khoảng 14 giờ ngày 30/11/2017 Phạm A tiếp tục đi lòng vòng ở bến đò V xem có ai để xe máy sơ hở thì trộm cắp. A nhìn thấy 01 xe mô tô biển số 86R1-4433 màu trắng xanh của chị Nguyễn Thị Hồng J3 đang dựng không có người trông coi. A đi đến gần xe mô tô biển số 86R1-4433 lấy chìa khóa mang theo đút vào ổ khóa xe vặn qua vặn lại thì mở được khóa xe. A nổ máy xe mô tô biển số 86R1-4433 điều khiển xe chạy đến khu phố U4, thị trấn U gạ bán xe cho Trần Bình C. C hỏi A *"xe ở đâu vậy"*, A trả lời *"xe vừa mới lấy được ở V"* và nhờ C bán hộ, C biết xe do A trộm cắp mà có nên lấy điện thoại gọi cho Nguyễn Văn G nói gạ bán xe, G hỏi *"xe của ai?"*, C trả lời *"xe của thằng này nó lấy ở V"*. Sau đó C đưa xe mô tô biển số 86R1-4433 đến nhà của G ở khu phố U2, thị trấn U gạ bán với giá 1.300.000 đồng, G biết xe do trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua với giá 1.300.000 đồng và đưa thêm cho C 200.000 đồng tiền môi giới. C đi ra gặp A nói bán xe được 1.300.000 đồng và đưa cho A số tiền 900.000 đồng, C giữ 400.000 đồng và 200.000 đồng của G cho tiêu xài cho cá nhân.

Theo Biên bản định giá tài sản và Bản kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐG ngày 05/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tuy Phong, kết luận:

+ 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu trắng xanh, biển số 86R1-4433, số khung C6408Y089894, số máy 5C64-089894, trị giá: 10.000.000 đồng/chiếc x 55% = 5.500.000 đồng.

Quá trình điều ra Phạm A, Trần Bình C và Nguyễn Văn G đã khai nhận toàn bộ hành vi nêu trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong: Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố theo Cáo trạng số 17/CT-VKSTP ngày 14/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: khỏan 1 Điều 138; điểm p,b khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm A từ 12 đến 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: khỏan 1 Điều 250; điểm b, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Bình C từ 06 đến 09 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Áp dụng: khỏan 1 Điều 250; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 51; Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn G từ 06 đến 09 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Tổng hợp hình phạt 12 tháng tù của Bản án số 17/2018/HSST ngày 09/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 2 bản án là 18 đến 21 tháng tù.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan điều tra – Công an huyện Tuy Phong, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định pháp luật.

[2] Về chứng cứ buộc tội các bị cáo: Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Phạm A, Trần Bình C, Nguyễn Văn G đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng số 17/CT-VKSTP, ngày 14/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong đã truy tố. Các bị cáo khẳng định những lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra là hoàn toàn tự nguyện đúng sự thật, các bị cáo không bị bức cung và Cáo trạng truy tố là đúng, không oan cho các bị cáo. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, của người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Đây là vụ án Trộm cắp tài sản và Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, xảy ra ngày 25/12/2017, tại thôn V1, xã V, huyện W, do Phạm A trộm cắp 01 biển số 86B2-020.86 trị giá 13.000.000 đồng của Nguyễn Thành I đem đến khu phố U4, thị trấn U bán cho Trần Bình C, C biết tài sản trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý đem xe đi bán lại cho Trần Phong J thu được số tiền 3.200.000 đồng, C trả cho A 1.700.000 đồng, còn 1.500.000 đồng C tiêu xài cho cá nhân; Tiếp đến ngày 30/11/2017 tại thôn V1, xã V, huyện W Phạm A trộm cắp 01 xe mô tô biển số 86R1-4433 trị giá 5.500.000 đồng của Nguyễn Thị Hồng J3 đem đến khu phố U4, thị trấn U bán cho Trần Bình C, C đem xe mô tô biển số 86R1-4433 đến khu phố U2, thị trấn U gạ bán cho Nguyễn Văn G, G biết là xe do trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua với giá 1.300.000 đồng, C trả tiền bán xe cho A 900.000 đồng, còn 400.000 đồng C tiêu xài cho cá nhân.

Do đó, cáo trạng số 17/CT-VKSTP ngày 14/3/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong truy tố bị cáo Võ Văn Hoàng về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự và các bị cáo Trần Bình C, Nguyễn Văn G về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Các bị cáo Pham A, Trần Bình C, Nguyễn Văn G là những công dân có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo biết hành vi trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là hành vi vi phạm pháp luật. Nhưng vì bản tính tham lam, muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà không phải lao động bị cáo Phạm A đã 2 lần lén lút trộm cắp 01 xe mô tô trị giá 13.000.000đ của anh Nguyễn Thành I; 01 xe mô tô trị giá 5.5000.000đ của chị Nguyễn Thị Hồng J3 bán cho bị cáo Trần Bình C.

Bị cáo Trần Bình C mặc dù biết 02 xe mô tô mà bị cáo A bán cho mình là do trộm cắp mà có, việc mua bán tài sản do trộm cắp mà có là hành vi vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn đồng ý mua và bán lại cho Trần Phong J và Nguyễn Văn G gây thiệt hại cho anh J và bị cáo G.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn G vào ngày 24/11/2017, bị cáo đã mua xe mô tô biển số 86B2-16315 do Trần Trung Hiếu trộm cắp mà có. Đến ngày 30/11/2017, bị cáo tiếp tục mua xe mô tô do bị cáo Trần Bình C bán cho mình, khi mua bán bị cáo C có nói là xe do trộm mà có, bị cáo G vẫn đồng ý mua. Hành vi nhiều lần tiêu thụ tài sản do trộm cắp mà có của bị cáo G thể hiện thái độ xem thường pháp luật của bị cáo.

Hành vi phạm tội nêu trên của các bị cáo Phạm A, Trần Bình C, Nguyễn Văn G đã xâm hại đến tài sản của người khác gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần xử lý nghiêm minh, cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Phạm A 02 lần trộm cắp tài sản, Trần Bình C 02 lần Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội nhiều lần" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Trong quá trình điều tra các bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Trần Bình C, Phạm A đã bồi thường thiệt hại cho gia định bị hại đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự .

[5] Về ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong:

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

Áp dụng: khỏan 1 Điều 138; điểm p,b khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm A từ 12 đến 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: khỏan 1 Điều 250; điểm b, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Bình C từ 06 đến 09 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Áp dụng: khỏan 1 Điều 250; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 51; Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn G từ 06 đến 09 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Tổng hợp hình phạt 12 tháng tù của Bản án số 17/2018/HSST ngày 09/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 2 bản án là 18 đến 21 tháng tù.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong về việc áp dụng pháp luật, mức hình phạt là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Ngày 11/01/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Tuy Phong đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 20 trao trả cho bị hại Nguyễn Thành I chiếc xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đỏ - đen, biển số 86B2-020.86, số khung C64BY444967, số máy 5C64-444791; ngày 09/02/2018 ra Quyết định xử lý vật chứng số 89 trao trả lại cho bị hại Nguyễn Thị Hồng J3 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu trắng xanh, biển số 86R1-4433, số khung C6408Y089894, số máy 5C64-089894 là đúng quy định của pháp luật.

[7] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: bị hại Nguyễn Thành I và Nguyễn Thị Hồng J3 đã nhận lại tài sản bị trộm cắp, không có yêu cầu bồi thường gì thêm;

Nguyễn Thanh J1 không yêu cầu Phạm A trả lại số tiền 1.700.000 đồng, là tiền mua nhầm tài sản trộm cắp, nên không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo Phạm A phạm tội "Trộm cắp tài sản", các bị cáo Trần Bình C, Nguyễn Văn G phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Áp dụng: khỏan 1 Điều 138; điểm p,b khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm A 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời gian tù tính từ ngày 02/12/2017

Áp dụng: khỏan 1 Điều 250; điểm b, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Bình C 09 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Thời gian tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được khấu trừ thời gian tạm giam trước đó từ ngày 02/12/2017 đến ngày 29/01/2018.

Áp dụng: khỏan 1 Điều 250; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 51; Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn G 09 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Tổng hợp hình phạt 12 tháng tù của Bản án số 17/2018/HSST ngày 09/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 2 bản án là 21 tháng tù. Thời gian tù tính từ ngày 02/12/2017.

[2] Biện pháp tư pháp:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 bộ luật hình sự năm 1999; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 600.000 đồng của bị cáo Trần Bình C và 900.000 đồng của bị cáo Phạm A đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phong.

[3] Về án phí: Các bị cáo mỗi người phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho họ biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Tuy Phong;
- Công an huyện Tuy Phong;
- Bị cáo, bị hại;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- Lưu Hồ sơ.

Đặng Thị Thu Trang